TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/DS-ST
Ngày: 31-7-2024.
"V/v: Kiện đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Tấn.
2. Bà Triệu Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 09/2024/TLST- DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc "*Kiện đòi lại tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 06/2024/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 7 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian xét xử trước khi mở phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lục Văn C, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn ST, xã TH, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ma Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn BM, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, chỗ ở hiện nay: Đ9APT, phường LB, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt, có đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2024 và ngày 20/02/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lục Văn C trình bày:

Vào ngày 01/6/2018 anh Ma Văn T có vay anh Lục Văn C số tiền là 25.000.000^{đ} *(hai mươi lăm triệu đồng)* không thỏa thuận về lãi suất và hẹn đến ngày 01/7/2018 sẽ thanh toán, việc vay tiền anh T là người tự tay viết giấy vay tiền và ký tên trong giấy, tuy nhiên sau đó anh T đã không thực hiện việc trả nợ theo nội dung thỏa thuận, sau nhiều lần đòi nợ thì anh T đã thanh toán cho anh C số tiền 18.000.000^{đ} *(mười tám triệu đồng)*, hiện anh T còn nợ anh C số tiền

7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*. Nay anh C khởi kiện yêu cầu anh T phải thanh toán cho anh C số tiền nợ còn lại là 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)* không tính lãi suất.

- Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án anh Ma Văn T trình bày:

Do có sự quen biết bạn bè với anh C nên vào khoảng tháng 6/2018 anh T có vay của anh C số tiền là 25.000.000đ *(hai mươi lăm triệu đồng)*, anh T là người viết giấy vay, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 01 tháng, mục đích vay là để mua xe, trong khoảng thời gian vay anh T đã trả cho anh C số tiền là 18.000.000đ *(mười tám triệu đồng)*, và hiện còn nợ lại số tiền là 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*, nay anh C khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền nợ 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*, anh T nhất trí trả cho anh C, tuy nhiên do anh T gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị được trả hàng tháng mỗi tháng là 500.000đ vào tài khoản của anh C.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh C yêu cầu anh T trả cho anh số tiền còn nợ lại là 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)* và thanh toán một lần, không nhất trí trả dần hàng tháng như anh T đề nghị. Anh T vắng mặt tại phiên tòa và không có nội dung trình bày gì khác so với quá trình giải quyết tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 357, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lục Văn C, buộc anh Ma Văn T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ là 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*, thời hạn thanh toán từ khi bản án của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Anh Ma Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Anh Lục Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trả lại cho anh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

1.1. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Lục Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ma Văn T trả số tiền còn nợ theo giấy vay tiền ngày 01/6/2018. Bị đơn anh Ma Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn BM, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Giấy vay tiền lập ngày 01/6/2018 giữa anh Lục Văn C và anh Ma Văn T có thời hạn vay là 01 tháng, ngày đến hạn trả nợ là ngày 01/7/2018, giấy vay tiền này được xác định là hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên, quá trình giải quyết nguyên đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị đơn khất nợ khi đến hạn thanh toán và cũng không xác định được thời gian trả dần khoản vay trên nên yêu cầu khởi kiện của anh C đã hết thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định.

Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định việc áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự về thời hiệu như sau *"Các quy định của Bộ luật dân sự về thời hiệu được áp dụng trong tố tụng dân sự"*. Dẫn chiếu đến các quy định của Bộ luật Dân sự cho thấy: Tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự quy định "*Thời hiệu khởi kiện không áp dụng trong trường hợp sau đây: ...yêu cầu bảo vệ quyền sử hữu…",* đồng thời theo quy định tại khoản 1 Điều 166 quy định "*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật".* Điểm b, khoản 3 Điều 23 Nghị Quyết số 03/2012/NQ - HĐTP ngày 03/12/2012 của Tòa án nhân dân tối cao quy định *" Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, về đòi lại tài sản, đòi lại quyền sử dụng đất do người khác quản lý, chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện".* Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh C buộc anh Ma Văn T phải trả số tiền còn nợ lại là 7.000.000^{đ} *(Bảy triệu đồng)* là đòi lại tài sản nên Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của anh C.

- *Về quan hệ pháp luật:* Các nội dung trong Giấy vay tiền ngày 01/6/2018 cho thấy anh Lục Văn C là người cho anh Ma Văn T vay số tiền 25.000.000^{đ} *(hai mươi lăm triệu đồng);* số tiền này là thuộc quyền sở hữu của anh C; do đó, yêu cầu khởi kiện của anh C là tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể là tranh chấp *Đòi lại tài sản*.

1.3. Về việc giải quyết vắng mặt đương sự.

Tại phiên tòa anh Lục Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong quá trình giải quyết tại Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, anh Ma Văn T đã trình bày quan điểm về giải quyết vụ án và nhận hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt

nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét nội dung vụ án.*

Xét yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở căn cứ vào bản tự khai và nội dung trình bày của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về khoản tiền vay: Vào ngày 01/6/2018 giữa anh Lục Văn C và anh Ma Văn T có thỏa thuận với nhau về việc vay tiền, có viết giấy vay tiền số tiền vay là 25.000.000đ *(hai mươi lăm triệu đồng)*, hạn trả nợ là ngày 01/7/2018, anh T tự tay viết và ký tên trong giấy vay tiền, điều này được anh C và anh T thừa nhận. Kể từ thời điểm đó đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của Bộ luật dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho đến thời hạn trả tiền anh C trình bày đã nhiều lần yêu cầu anh T trả số tiền vay và đến nay anh T đã trả cho anh C được 18.000.000đ *(mười tám triệu đồng)*, còn nợ lại 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*. Anh T xác nhận từ khi viết giấy vay tiền đến nay đã trả cho anh C được số tiền 18.000.000đ *(mười tám triệu đồng)*, còn nợ lại 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*. Anh T nhất trí trả số tiền còn nợ lại là 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*và đề nghị được trả nhiều lần hàng tháng vào tài khoản cho anh C, anh C không nhất trí theo phương án trả nợ của anh T mà đề nghị anh T trả tiền một lần không tính lãi suất. Do đó yêu cầu khởi kiện của anh C là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 155, 166, 274, 275, 280, 357, 468, 470 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lục Văn C; Buộc anh Ma Văn T có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ lại là 7.000.000đ cho anh Lục Văn C. Thời hạn thanh toán từ khi bản án của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa có hiệu lực pháp luật.

Về nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: " Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

[3] *Về án phí*: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Anh Ma Văn T phải chịu 350.000đ *(ba trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Lục Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà anh Lục Văn C đã nộp.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 ; Điều 143, 144, 147, 185, 227, 228, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166, 274, 275, 280, 357, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "*Đòi lại tài sản*" của anh Lục Văn C. Buộc anh Ma Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Lục Văn C số tiền nợ là 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*).

" Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Ma Văn T có nghĩa vụ nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 350.000đ *(ba trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Lục Văn C không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả cho anh Lục Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001022757 ngày 07/3/2024 của Đơn vị trung gian thanh toán Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001589, ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh